

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3
Thứ 2	1	Sinh học (Ngát)	Ngữ Văn (Linh)	Tiếng anh (Dung)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Q.Tâm)	Toán (Trưởng)	GDĐP (Sénh)	HĐTN (Nhàn)		
	2	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT
	3	Ngữ Văn (Quân)	Ngữ Văn (Linh)	GDĐP (Nga)	Ngữ Văn (Huyền)	Công nghệ (Tuấn)	Toán (Trưởng)	Toán (Q.Tâm)	HĐTN (Nhàn)		
	4	Ngữ Văn (Quân)	GDDP (Nga)	Toán (Trưởng)	Hóa học (Sénh)	Công nghệ (Tuấn)	Công nghệ (Q.Tâm)	Ngữ Văn (Linh)			
	5										
Thứ 3	1	Lịch sử (Hương)	Hóa học (Nga)	Ngữ Văn (Quân)	Vật lí (Dũng)	GDQP (Hiếu)	GDĐP (Tuấn)	Ngữ Văn (Linh)	Địa lí (Vĩnh)	Địa lí (Chính)	Lịch sử (Huệ)
	2	Hóa học (Nga)	Lịch sử (Hương)	Ngữ Văn (Quân)	Ngữ Văn (Huyền)	Công nghệ (Tuấn)	Tiếng anh (Trang)	Ngữ Văn (Linh)	Địa lí (Vĩnh)	CĐ Địa lí (Thảo)	Lịch sử (Huệ)
	3	Tiếng anh (Trang)	Tiếng anh (Dung)	Lịch sử (Hương)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Huyền)	Công nghệ (Q.Tâm)	Sinh học (Đức)	Toán (Phượng)	Ngữ Văn (Quân)	CĐ Địa lí (Thảo)
	4	Tiếng anh (Trang)	Toán (Q.Tâm)	Tiếng anh (Dung)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Huyền)	Tin học (Tuấn)	Sinh học (Đức)	Lịch sử (Hương)	Ngữ Văn (Quân)	Địa lí (Chính)
	5										
Thứ 4	1	Vật lí (Dũng)	Địa lí (Thảo)	GDKT&PL (Vừ)	Tiếng anh (Trang)	Tin học (Tuấn)	Địa lí (Vĩnh)	Lịch sử (Huệ)	Toán (Phượng)	Tiếng anh (Dung)	Sinh học (Đức)
	2	HĐTN (Nhàn)			Địa lí (Vĩnh)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Trang)	GDKT&PL (Vừ)	Toán (Phượng)	GDĐP (Tập)	Tiếng anh (Dung)
	3				Vật lí (Dũng)	Địa lí (Vĩnh)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Trang)	GDDP (Tập)	CĐ C.Nghệ (Phượng)	Địa lí (Chính)
	4				Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Trang)	Vật lí (Dũng)	Địa lí (Vĩnh)	Tiếng anh (Dung)	Địa lí (Chính)	GDĐP (Thư)
	5										
Thứ 5	1	GDQP (Hiếu)	GDKT&PL (Vừ)	Tiếng anh (Dung)	GDTC - (Tâm)	Tiếng anh (Trang)	Lịch sử (Huệ)	Địa lí (Vĩnh)	Sinh học (Ngát)	Toán (Mạnh)	Toán (Phượng)
	2	Hóa học (Nga)	GDQP (Hiếu)	GDKT&PL (Vừ)	Địa lí (Vĩnh)	GDTC - (Tâm)	Tiếng anh (Trang)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Dung)	Toán (Mạnh)	Toán (Phượng)
	3	Vật lí (Dũng)	Hóa học (Nga)	GDQP (Hiếu)	Lịch sử (Huệ)	Địa lí (Vĩnh)	GDTC - (Tâm)	Tiếng anh (Trang)	Toán (Phượng)	Tiếng anh (Dung)	Tin học (Tuấn)
	4	Toán (Trưởng)	Toán (Q.Tâm)	Vật lí (Dũng)	Tiếng anh (Trang)	Lịch sử (Huệ)	Địa lí (Vĩnh)	GDTC - (Tâm)	Toán (Phượng)	GDKT&PL (Vừ)	Tiếng anh (Dung)
	5										
Thứ 6	1	Địa lí (Thảo)	Tiếng anh (Dung)	Hóa học (Sénh)	GDTC - (Tâm)	Tiếng anh (Trang)	Vật lí (Dũng)	Sinh học (Đức)	Lịch sử (Hương)	CĐ C.Nghệ (Phượng)	GDQP (Hiếu)
	2	Lịch sử (Hương)	Toán (Q.Tâm)	Địa lí (Thảo)	Hóa học (Sénh)	Tin học (Tuấn)	Vật lí (Dũng)	GDTC - (Tâm)	GDQP (Hiếu)	Tiếng anh (Dung)	GDKT&PL (Vừ)
	3	Tiếng anh (Trang)	Lịch sử (Hương)	Vật lí (Dũng)	Sinh học (Đức)	GDTC - (Tâm)	Tin học (Tuấn)	Hóa học (Sénh)	Địa lí (Vĩnh)	GDQP (Hiếu)	Tiếng anh (Dung)
	4	Vật lí (Dũng)	Sinh học (Ngát)	Lịch sử (Hương)	Sinh học (Đức)	GDĐP (Sénh)	GDTC - (Tâm)	Tiếng anh (Trang)	Tiếng anh (Dung)	Toán (Mạnh)	Tin học (Tuấn)
	5										
Thứ 7	1	Sinh học (Ngát)	Ngữ Văn (Linh)	Hóa học (Sénh)	Tiếng anh (Trang)	Toán (Q.Tâm)	Toán (Trưởng)	GDTC - (Tâm)	Ngữ Văn (Huyền)	Lịch sử (Huệ)	GDKT&PL (Vừ)
	2	Toán (Trưởng)	GDTC - (Tâm)	Địa lí (Thảo)	Toán (Mạnh)	Toán (Q.Tâm)	Ngữ Văn (Linh)	Hóa học (Sénh)	Ngữ Văn (Huyền)	GDKT&PL (Vừ)	Tin học (Tuấn)
	3	Toán (Trưởng)	Địa lí (Thảo)	GDTC - (Tâm)	Hóa học (Sénh)	Tin học (Tuấn)	Ngữ Văn (Linh)	Toán (Q.Tâm)	Sinh học (Ngát)	Công nghệ (Mạnh)	Toán (Phượng)
	4	Địa lí (Thảo)	Sinh học (Ngát)	Hóa học (Sénh)	GDĐP (Dũng)	GDKT&PL (Vừ)	Tin học (Tuấn)	Toán (Q.Tâm)	Toán (Phượng)	Công nghệ (Mạnh)	GDTC - (Tâm)
	5										

Sáng thực hiện từ 7h30; Chiều thực hiện từ 13h45
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tập

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3
Thứ 2	1	Ngữ Văn (Quân)	Hóa học (Nga)	GDTC - (Tâm)	HĐTN (Nhàn)				Ngữ Văn (Huyền)	Lịch sử (Huệ)	Toán (Phượng)
	2	Hóa học (Nga)	Tiếng anh (Dung)	Toán (Trường)					Sinh học (Ngát)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	3	GDĐP (Nga)	Sinh học (Ngát)	Toán (Trường)					Toán (Phượng)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	4										
	5										
Thứ 3	1	Vật lí (Dũng)	Tiếng anh (Dung)	Địa lí (Thảo)	Toán (Mạnh)	Toán (Q.Tâm)	Công nghệ (Q.Tâm)	Hóa học (Sếnh)	Lịch sử 1 Hóa học	Địa lí 2	HS không ôn tự học
	2	GDQP (Hiếu)	Địa lí (Thảo)	Tiếng anh (Dung)	Vật lí (Dũng)	Toán (Q.Tâm)	Ngữ Văn (Linh)	Sinh học (Đức)	Lịch sử 1 Hóa học	Địa lí 2	
	3	Địa lí (Thảo)	Hóa học (Nga)	GDQP (Hiếu)	Vật lí (Dũng)	Toán (Q.Tâm)	Tin học (Tuấn)	Sinh học (Đức)	Địa lí 1 (Vật lí, Tiếng Anh, Sinh học)	Lịch sử 2	HS không ôn tự học
	4										
	5										
Thứ 4	1	GDTC - (Tâm)	GDKT&PL (Vừ)	Ngữ Văn (Quân)	CĐ Toán (Thư)	Ngữ Văn (Huyền)	Công nghệ (Q.Tâm)	GDQP (Hiếu)	Lịch sử (Hương)	CĐ Địa lí (Thảo)	Ngữ Văn (Quân)
	2	GDTC - (Tâm)	Hóa học (Nga)	GDKT&PL (Vừ)	GDQP (Hiếu)	CĐ Toán (Thư)	Công nghệ (Q.Tâm)	Hóa học (Sếnh)	GDTC (Nhạ)	Ngữ Văn (Quân)	Sinh học (Đức)
	3	GDĐP (Nga)	Sinh học (Ngát)	Địa lí (Thảo)	Vật lí (Dũng)	GDKT&PL (Vừ)	GDQP (Hiếu)	CĐ Toán (Thư)	GDTC (Nhạ)	Ngữ Văn (Quân)	Tin học (Tuấn)
	4										
	5										
Thứ 5	1	Địa lí (Thảo)	Tiếng anh (Dung)	Hóa học (Sếnh)	GDTC - (Tâm)	Toán (Q.Tâm)	Ngữ Văn (Linh)	Sinh học (Đức)	Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Phượng)
	2	GDĐP (Nga)	Địa lí (Thảo)	Tiếng anh (Dung)	Hóa học (Sếnh)	GDTC - (Tâm)	Ngữ Văn (Linh)	Toán (Q.Tâm)	Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Phượng)
	3	Toán (Trường)	GDĐP (Nga)	Địa lí (Thảo)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Huyền)	GDTC - (Tâm)	Hóa học (Sếnh)	Địa lí 1	GDKTPL	HS không ôn tự học
	4										
	5										
Thứ 6	1	GDTC - (Tâm)	GDKT&PL (Vừ)	Vật lí (Dũng)	Sinh học (Đức)	Tin học (Tuấn)	Ngữ Văn (Linh)	Tiếng anh (Trang)	Toán (Phượng)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	2	Vật lí (Dũng)	GDTC - (Tâm)	GDKT&PL (Vừ)	CĐ Toán (Thư)	Tiếng anh (Trang)	Tin học (Tuấn)	GDĐP (Sếnh)	Toán (Phượng)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	3	Hóa học (Nga)	Toán (Q.Tâm)	GDTC - (Tâm)	Vật lí (Dũng)	CĐ Toán (Thư)	Tiếng anh (Trang)	GDKT&PL (Vừ)	Vật lí, Tiếng Anh, Sinh học	Lịch sử 2	HS không ôn tự học
	4										
	5										
Thứ 7	1	Toán (Trường)	Hóa học (Nga)	GDQP (Hiếu)	Toán (Mạnh)	Toán (Q.Tâm)	Vật lí (Dũng)	Hóa học (Sếnh)	Tiếng anh (Dung)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Phượng)
	2	Toán (Trường)	GDTC - (Tâm)	Địa lí (Thảo)	Toán (Mạnh)	GDQP (Hiếu)	Công nghệ (Q.Tâm)	Địa lí (Vĩnh)	Lịch sử (Hương)	GDTC (Nhạ)	Tiếng anh (Dung)
	3	GDTC - (Tâm)	Địa lí (Thảo)	Toán (Trường)	Địa lí (Vĩnh)	Ngữ Văn (Huyền)	Công nghệ (Q.Tâm)	GDQP (Hiếu)	Lịch sử (Hương)	GDTC (Nhạ)	Tiếng anh (Dung)
	4										
	5										

Sáng thực hiện từ 7h30; Chiều thực hiện từ 13h45
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tập